TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃVĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19/6/2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Trung Nghĩa.

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Anh Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: Ông Âu Hoàng Mến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2022/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 19Y (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Phú A, xã Trà P, huyện Trà B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Trần Khập T, sinh năm 19Y (vắng mặt);

Địa chỉ: Nhà không số, ấp Nô T, xã Vĩnh T, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/9/2022 nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Năm 2013, chị Phạm Thị N và anh Trần Khập T được gia đình tổ chức lễ theo phong tục tập quán và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T, thị xã Vĩnh C, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/11/2013. Trong thời gian sống chung, vợ chồng không có con chung. Mặc dù thời gian đầu vợ chồng chung sống

với nhau hạnh phúc nhưng sau đó do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không thể tiếp tục tồn tại và hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 01 năm 2020 đến nay.

Nay nhận thấy hạnh phúc gia đình tan vỡ, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thành nên chị Phạm Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Trần Khập T.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N trình bày tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Khập T:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh Trần Khập T để tham gia phiên tòa nhưng anh Trần Khập T vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho anh Trần Khập T biết.

Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến:

- Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với bị đơn anh Trần Khập T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào các điểm a, b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Khập T theo quy định của pháp luật. Về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về pháp luật nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Trần Khập T.

+ Về con chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N trình bày tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Chị Phạm Thị N trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

[1]. Nguyên đơn chị Phạm Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: *"Ly hôn"* là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Tòa án thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Đối với bị đơn anh Trần Khập T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Trần Khập T theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với nguyên đơn chị Phạm Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Phạm Thị N theo quy định của pháp luật.

Về pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị N và anh Trần Khập T được xác lập vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị N và anh Trần Khập T là hợp pháp. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do trong thời gian sống chung với nhau chị Phạm Thị N và anh Trần Khập T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay. Chị Phạm Thị N kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Trần Khập T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị N và anh Trần Khập T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Trần Khập T.

[2] Về con chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N trình bày tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Phạm Thị N trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị N được ly hôn với bị đơn anh Trần Khập T.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N trình bày tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Phạm Thị N trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị N phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số: 0004414 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Chị

Phạm Thị N đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:
- VKSND TX Vĩnh Châu;
- THADS TX Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Vĩnh T, TX Vĩnh C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Phương